TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2020/DS - ST
Ngày: 24 - 7 - 2020
V/v "Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ trả tiền"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Thanh Phát

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Hoàng Nam

2. Ông Phan Ngọc Lợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trương Hồng Diễm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 02 và ngày 24 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 195/2019/TLST - DS ngày 28 tháng 8 năm 2019 về "Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ trả tiền" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST - DS ngày 03 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích L (tên thường gọi là Q), sinh năm: 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã Bàn T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc D, sinh năm: 1979 (văn bản ủy quyền ngày 15/7/2019, có mặt).

Địa chỉ: Ấp O, xã Bàn T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc D1 (D1), sinh năm: 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp O, xã Bàn T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Trường S, sinh năm: 1981 (có đơn đề nghị vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 1 - 3B, đường Lê Văn L1, xã Phước K1, huyện Nhà B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/7/2019 của bà L và quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Quốc D là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Trước đây, ông Nguyễn Trường S là anh ruột của bà Nguyễn Thị Bích L (tên thường gọi là Q) có nợ tiền của nhiều người. Trong đó, nợ tiền vay bà L là 50.000.000 đồng, do ông S làm ăn thua lỗ, không có khả năng thanh toán nợ cho các chủ nợ. Cho nên, ông S chuyển quyền thuê (bán lô ki ốt) của ông S thuê dài hạn của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên ND tại chợ Bàn Tân Định thuộc ấp Sở O, xã Bàn T, huyện G cho bà Nguyễn Ngọc D1 (D1), để trừ nợ với bà D1 (ông S thiếu nợ bà D1) và bà D1 nhận trách nhiệm thay ông S trả nợ cho nhiều người. Trong đó, bà D1 có nhận trách nhiệm thay ông S trả cho bà L số tiền là 50.000.000 đồng; việc thỏa thuận nhận trách nhiệm trả nợ thay được bà L, bà D1 và ông S thống nhất. Do đó, bà D1 tự viết biên nhận đề ngày 12/3/2018 giao cho bà L giữ và cam kết đến tháng 02 năm 2019 sẽ trả đủ khoản tiền nêu trên cho bà L nhưng cho đến nay bà D1 vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết. Vì vậy, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà D1 phải có trách nhiệm trả cho bà L số tiền là 50.000.000 đồng.

Đối với việc bà D1 trình bày ông S nợ tiền họ (hụi) bà D1 là 38.000.000 đồng và yêu cầu khấu trừ với khoản tiền nguyên đơn khởi kiện, còn lại là 12.000.000 đồng bà D1 đồng ý trả cho bà L thì nguyên đơn không đồng ý.

Theo bản tự khai ngày 21/10/2019, bà Nguyễn Ngọc D1 (D1) là bị đơn trình bày:

Bà xác định không có vay tiền của bà Nguyễn Thị Bích L. Ông Nguyễn Trường S là anh ruột của bà L có nợ tiền của bà và bà H2, do không có tiền trả nợ cho bà nên ông S bán lô ki ốt của ông cho bà để trừ nợ, ông S không đủ tiền trả nợ cho bà L nên ông S hỏi mượn bà số tiền là 25.000.000 đồng và mượn bà H2 số tiền là 25.000.000 đồng để trả nợ cho bà L nhưng bà không có tiền cho mượn. Cho nên, ông S kêu bà viết giấy tay hẹn 01 năm sau sẽ trả tiền cho bà L.

Ngoài ra, bà Bích L2 có tham gia 01 dây họ (hụi) là 3.000.000 đồng do bà làm

chủ, nữa tháng xổ 01 lần. Sau khi hốt họ bà L2 chia lại cho ông S phân nữa, như vậy ông S còn nợ bà tiền họ là 38.000.000 đồng. Do đó, bà yêu cầu khấu trừ khoản tiền họ ông S nợ bà là 38.000.000 đồng với khoản nợ bà L khởi kiện là 50.000.000 đồng, còn lại là 12.000.000 đồng thì bà đồng ý trả cho bà L.

Ngoài ra, bà yêu cầu Tòa án triệu tập ông S tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và yêu cầu Tòa án xác minh bà H2, bà Bích L2.

Theo biên bản làm việc tại Tòa án ngày 20/12/2019, ông Nguyễn Trường S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Cách đây khoảng 02 năm, ông có nợ tiền của nhiều người. Trong đó, nợ tiền vay của bà Nguyễn Thị Bích L là em ruột của ông là 50.000.000 đồng, do làm ăn thua lỗ và nhiều chủ nợ yêu cầu ông phải thanh toán nợ nhưng không có khả năng chi trả. Cho nên, ông đồng ý chuyển quyền thuê (bán lô ki ốt) của ông cho bà D1 với giá 01 tỷ đồng để trừ nợ với bà D1, phần tiền chênh lệch còn dư bà D1 sẽ nhận trách nhiệm thay ông trả nợ cho các chủ nợ, việc thỏa thuận giữa ông và bà D1 bằng lời nói không có người làm chứng hoặc người chứng kiến. Trong đó, bà D1 có nhận trách nhiệm thay ông trả nợ cho bà L số tiền là 50.000.000 đồng và viết biên nhận, cam kết trả nợ cho bà L là đúng.

Đồng thời, ông đã làm thủ tục chuyển quyền thuê lại lô ki ốt của ông cho bà D1. Thực chất sau khi khấu trừ nợ giữa ông với bà D1 và khấu trừ khoản nợ bà D1 nhận trách nhiệm thay ông trả cho bà L thì bà D1 vẫn còn nợ ông số tiền là 75.000.000 đồng. Ông xác định không có nợ tiền họ (hụi) bà D1 là 38.000.000 đồng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của Người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ án, xem xét việc thụ lý vụ án, cấp tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng và tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, vẫn còn vi phạm về thời hạn xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị khắc phục.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử; thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của bà L yêu cầu Tòa án buộc bà D1 phải trả cho bà số tiền là 50.000.000 đồng theo biên nhận nợ ngày 12/3/2018, phát sinh từ giao dịch nhận nợ do bà D1 mua ki ốt tại chợ Bàn Tân Định của ông Nguyễn Trường S (anh ruột bà L) nhưng bà D1 không đủ tiền trả. Ngược lại, ông Nguyễn Trường S có nợ bà L số tiền là 50.000.000 đồng, thay vì trả tiền cho ông S thì bà D1 nhận phần nợ của ông S để có trách nhiệm trả cho bà L.

Bà D1 thừa nhận có viết biên nhận ngày 12/3/2018. Tuy nhiên, bà D1 cho rằng ông S mượn lại của bà là 25.000.000 đồng và bà H2 là 25.000.000 đồng để trả cho bà L nhưng bà không có tiền cho mượn nên bà viết biên nhận cho bà L, bà không có vay tiền của bà L, điều này hoàn toàn phù hợp với lời khai của nguyên đơn. Ngoài ra, bà D1 còn đề cặp đến tiền góp họ (ông S nợ bà) và yêu cầu khấu trừ với khoản tiền bà L khởi kiện, còn lại là 12.000.000 đồng thì bà đồng ý trả cho bà L nhưng bà D1 không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án nên không có căn cứ xem xét. Như vậy, có đủ căn cứ xác định bà D1 và ông S có chuyển quyền ki ốt với nhau và bà D1 có nhận trách nhiệm trả nợ thay ông S là có thật.

Căn cứ Điều 280 của Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà D1 phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bà L số tiền là 50.000.000 đồng.

Về án phí: Đề nghị hoàn trả cho bà L tiền tạm ứng án phí đã nộp; buộc bà D1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Bích L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Ngọc D1 (D1) phải trả cho bà số tiền là 50.000.000 đồng. Mặc dù, bà L cung cấp biên nhận đề ngày 12/3/2018 giữa bà với bà D1 nhưng quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thừa nhận giữa bà L và bà D1 không có thực hiện giao dịch vay tài sản với nhau, điều này phù hợp với lời trình bày của bà D1 và của ông S. Bà D1 viết biên nhận ngày 12/3/2018 và cam kết trả nợ cho bà L do nhận trách nhiệm thay ông S trả nợ cho bà L. Do đó, đây là tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 280 của Bộ luật Dân sự và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà D1 là bị đơn có nơi cư trú tại huyện G, tỉnh Kiên Giang. Căn vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự không có tranh chấp hợp đồng chuyển quyền thuê mặt bằng lô, sạp (ki ốt) nên Tòa án không đưa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên ND vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bà L là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có người đại diện theo ủy quyền là ông D tham gia phiên tòa; ông S có đơn đề nghị vắng mặt; bà D1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung vụ án:

Bà L khởi kiện yêu cầu bà D1 phải trả cho bà số tiền là 50.000.000 đồng, khoản tiền do bà D1 nhận trách nhiệm thay ông Nguyễn Trường S trả cho bà L.

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự; tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án, thể hiện: Ngày 27/9/2014, ông Nguyễn Trường S ký kết hợp đồng thuê mặt bằng số 111/2014/HĐ-ND với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên ND (nội dung ông S có thuê dài hạn mặt bằng lô, sạp số 01 tại khu tạp hóa chợ Bàn Tân Định, huyện G, diện tích 20,25m^2, thời hạn thuê 25 năm); ngày 09/5/2017, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên ND xác nhận chuyển quyền hợp đồng thuê số 111/2014/HĐ-ND lại cho bà Nguyễn Ngọc D1; ngày 11/3/2019, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên ND xác nhận chuyển quyền hợp đồng thuê số 111/2014/HĐ-ND từ bà Nguyễn Ngọc D1 cho ông Nguyễn Lâm S1. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định việc thỏa thuận chuyển quyền thuê mặt bằng lô, sạp (các đương sự trình bày mua bán ki ốt với nhau) giữa ông S và bà D1 là có thật, được Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên ND đồng ý và xác nhận.

Quá trình thực hiện thỏa thuận hợp đồng chuyển quyền thuê mặt bằng lô, sạp giữa ông Trường S và bà D1 để khấu trừ tiền nợ với nhau; giữa ông Trường S, bà D1 và bà L có thỏa thuận: Bà D1 nhận trách nhiệm thay ông Trường S trả cho bà L số tiền là 50.000.000 đồng và bà D1 viết biên nhận ngày 12/3/2018 (bút lục 27) giao cho bà L giữ, nội dung "tôi Nguyễn Ngọc D1 cư ngụ ấp Sở O, xã Bàn T có hứa trả thay cho cô Q số tiền là 50.000.000 (năm mươi triệu) tới tháng 2 năm 2019 tôi trả đủ số tiền trên", bà Q trong biên nhận được chính quyền địa phương xác nhận tức là bà Nguyễn Thị Bích L.

Mặc dù, bà D1 không đến Tòa án để tham dự phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa để làm rõ tính xác thực của biên nhận (bút lục 27) về nội dung, lý do, mục đích viết, có phải do bà D1 viết và ký tên hay không ? nhưng theo bản tự khai bà D1 thừa nhận có viết giấy tay cho bà L, cam kết 01 năm sau sẽ trả tiền cho bà L và bà D1 yêu cầu khấu trừ tiền họ ông Trường S nợ bà là 38.000.000 đồng với số tiền bà L yêu cầu bà trả là 50.000.000 đồng, còn lại là 12.000.000 đồng thì bà đồng ý trả cho bà L. Xét thấy, nội dung trình bày trong bản tự khai của bà D1 hoàn toàn phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Cho nên, đây là những tình tiết chứng minh sự thỏa thuận của ông Trường S, bà D1 và bà L về việc bà D1 nhận trách nhiệm thay ông Trường S trả nợ cho bà L số tiền là 50.000.000 đồng là có thật.

Hợp đồng dân sự là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự; sự thỏa thuận của bà D1, bà L và ông Trường S là một trong những căn cứ làm phát sinh nghĩa vụ. Vì vậy, các bên phải thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận và phù hợp với quy định của pháp luật, việc bà D1 viết biên nhận và cam kết trả nợ khi đến thời hạn (01 năm sau) nhưng không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 280 của Bộ luật Dân sự.

Đối với đề nghị của bà D1 theo bản tự khai: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho bà D1 phải có nghĩa vụ: Làm đơn yêu cầu Tòa án xác minh bà H2 và bà Bích L2. Trong đó, nêu rõ lý do, mục đích yêu cầu xác minh và phải ghi cụ thể về: Họ và tên và địa chỉ nơi cư trú của bà Hạnh, bà Bích Liên. Bà D1 có yêu cầu khấu trừ tiền họ ông Trường S nợ bà với khoản tiền bà L khởi kiện thì bà phải làm đơn yêu cầu phản tố, nêu rõ nội dung phản tố và cung cấp tài liệu, chứng cứ kèm theo (nếu có) gửi cho Tòa án để được xem xét theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bà D1 không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án; tại phiên tòa ông D đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý với đề nghị của bà D1 về việc khấu trừ khoản tiền họ với tiền nguyên đơn khởi kiện. Do đó, đề nghị của bà D1 về việc khấu trừ tiền họ ông Trường S nợ bà với khoản tiền bà L khởi kiện là không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét trong vụ án này, nếu bà có yêu cầu ông Trường S trả tiền họ còn nợ cho bà thì bà có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết trong một vụ việc khác.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà D1 phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bà L số tiền là 50.000.000 đồng.

[3]. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu khởi kiện của bà L được Tòa án chấp nhận nên bà không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà L tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) do ông Nguyễn Quốc D nộp thay, theo biên lai thu tiền số 0006497 ngày 27/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Bà D1 (Diễm) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: 50.000.000 đồng x 5% = 2.500.000 đồng.

[4]. Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 4 Điều 11 và Điều 280 của Bộ luật Dân sự.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích L đối với bà Nguyễn Ngọc D1 (D1) về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Buộc bà Nguyễn Ngọc D1 (D1) phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Bích L số tiền là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Trả cho bà Nguyễn Thị Bích L tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) do ông Nguyễn Quốc D nộp thay, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006497 ngày 27/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Bà Nguyễn Ngọc D1 (Diễm) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Bích L có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 24/7/2020; bà Nguyễn Ngọc D1 (Diễm) và ông Nguyễn Trường S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh KG;
- VKSND huyện GR;
- THA huyện GR;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Danh Thanh Phát